TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Số: 268/2018/QĐST - HNGĐ	*T , ngày 14 tháng 12 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 241/2018/ TLST-HNGĐ ngày 16/11/2018 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị D ; Sinh năm: 1992

Địa chỉ: Thôn P xã N , huyện T , tỉnh T .

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N ; Sinh năm: 1991

Hiện công tác tại: Đài K4, Đại đội 2, Tiểu đoàn thông tin ra đa, Trung đoàn 923, S , huyện T , tỉnh T

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UB Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào Điều 55; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06/12/2018

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 12 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Lê Thị D và anh Nguyễn Văn N

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về hôn nhân: Chị Lê Thị D và anh Nguyễn Văn N đều nhận thấy tình

cảm vợ chồng thực sự không còn nên thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Tiến Đ , sinh ngày 11/3/2018. Hiện nay con chung đang ở với chị D .

Hai anh chị thống nhất thoả thuận:

Chị Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Tiến Đ , sinh ngày 11/3/2018.

Anh Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000đ kể từ tháng 12/2018 cho đến khi con chung thành niên. Anh Nguyễn Văn N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

*Về tài sản: Tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu giải quyết .

* Về án phí: Hai bên thống nhất thoả thuận:

Chị Lê Thị D chịu toàn bộ án phí DSST là 150.000đ nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2017/0001299 ngày 16/11/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện T . Chị Lê Thị D được nhận lại 150.000đ. Anh Nguyễn Văn N chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã N , huyện T tỉnh T
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hằng